

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 5 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành
2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đồng L, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh L có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2006 và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng tháng 10/2021 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2007 và Nguyễn Như A, sinh ngày 10/6/2017, hiện đang sống

chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Đồng L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị H về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có hai người con chung N chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao hai người con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 19/11/2021 anh yêu cầu Tòa án buộc chị H cùng có trách nhiệm chia khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa gồm: Nợ 600.000.000 đồng của bà Chi; Nợ 250.000.000 đồng của ông Hiệp. Anh yêu cầu bán tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,7m, dài 10m và 8,5 công đất nông nghiệp để trả nợ hoặc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung để trả.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2007 và Nguyễn Như A, sinh ngày 10/6/2017 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long

thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng vắng mặt, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị H và anh L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy chị H và anh L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Nng chị H và anh L chung sống với nhau N vợ chồng từ năm 2006 và đã có hai người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị H và anh L là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

[4] Về con chung: Chị H và anh L thống nhất có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2007 và Nguyễn Như A, sinh ngày 10/6/2017, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, anh L đồng ý. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2007 và Nguyễn Như A, sinh ngày 10/6/2017 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 19/11/2021 anh L trình bày yêu cầu Tòa án buộc chị H cùng có trách nhiệm chia khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa gồm: Nợ 600.000.000 đồng của bà Chi; Nợ 250.000.000 đồng của ông Hiệp. Anh L yêu cầu bán tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,7m, dài 10m và 8,5 công đất nông nghiệp để trả nợ hoặc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung để trả. Tòa án đã Thông báo cho anh L đến Tòa án để thực hiện thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án và không làm thủ tục theo quy định, chị H cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn, nếu anh L có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn bằng vụ án khác. N vậy, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đồng L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/11/2007 và Nguyễn Như A, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Nguyễn Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Đồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004825 ngày 20/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Đồng L không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly